TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **35** /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/4/2023.
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Trực.

2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 801/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022, về ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXX-ST ngày 15/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/04/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Xuân P, sinh năm 1973. Địa chỉ: 109 LTĐ, phường TL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Việt H, sinh năm 1976.Địa chỉ: 24/43 ĐTH, phường ĐB, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2022; Lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, thì nội dung vụ việc như sau:

Anh Lê Xuân P và chị Nguyễn Thị Việt H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/02/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà của bố mẹ anh P hạnh phúc được 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, do công việc làm ăn nên vợ chồng đã sống ly thân nhau kể từ năm 2015, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ chị để ở từ đó đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay anh P nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, nên anh P làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Việt H.

- Về con chung: Anh Lê Xuân P và chị Nguyễn Thị Việt H có 02 người con chung tên là Lê Xuân K, sinh ngày 08/5/2006 và Lê Xuân B, sinh ngày 30/12/2008. Hiện nay, hai cháu đang ở với anh P. Nếu Tòa án cho ly hôn thì anh P xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu K, B đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Xuân P trình bày anh và chị H chung sống không có tài sản chung, không có nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/2/2023 của bà Nghiêm Thị N (mẹ của chị H) trình bày: Chị H, anh P tự nguyện tìm hiểu được sự đồng ý của hai gia đình anh, chị đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường TL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H vào năm 2001. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại nhà bố mẹ anh P, hạnh phúc được một thời gian dài thì đến năm 2020 thì chị H quay trở về chung sống cùng với bà vì lý do anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và vợ chồng chị H, anh P đã sống ly thân nhau kể từ đó cho đến nay, không còn chung sống với nhau nữa. Nay anh P có đơn xin ly hôn chị H thì bà Nghiêm Thị N không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì được biết: Anh Lê Xuân P và chị Nguyễn Thị Việt H có đăng ký kết hôn tại UBND phường TL, thành phố H vào năm 2001. Quá trình chung sống giữa anh P và chị H có mâu thuẫn gì không thì địa phương không biết. Nay, anh P có đơn xin ly hôn chị H thì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần đến tận nhà chị H để tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cho chị Nguyễn Thị Việt H. Do chị H bận đi làm nên bà Nghiêm Thi N (là mẹ của chị H) đã nhận thay cho chị H các giấy tờ của Tòa án gửi cho chị H và bà cũng có báo cho chị H biết việc anh P gửi đơn xin ly hôn với chị còn việc chị H có đến Tòa án làm việc hay không thì bà không rõ.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại các Điều 28; 35; 39; 68; các Điều 93,94,95,96 và Điều 97; Điều 195; 196 và Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định tư cách tham gia tố tụng, việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đảm bảo, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của đương sự:

+ Đối với nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Đối với bị đơn, vắng mặt tất cả các phiên hòa giải là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Lê Xuân P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Việt H.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử : Giao các cháu Lê Xuân K, sinh ngày 08/5/2006 và cháu Lê Xuân B, sinh ngày 30/12/2008 cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên (Đủ 18 tuổi). Cũng phù hợp nguyện vọng của hai cháu. Chị Nguyễn Thị Việt H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Xuân P trình bày anh và chị H chung sống không có tài sản chung, không có nợ của ai nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Lê Xuân P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Xuân P có đơn yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Việt H và tranh chấp về nuôi con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Chị Nguyễn Thị Việt H có hộ khẩu thường trú tại 24/43 ĐTH, phường ĐB, thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

Tòa án đã 02 lần tiến hành giao quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho chị H nhưng chị Nguyễn Thị Việt H không đến. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố H tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Xuân P và chị Nguyễn Thị Việt H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/01/2001. Quá trình chung sống thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến ly thân nên anh P xin ly hôn với chị H. Qua các chứng cứ thu thập được tại phiên tòa và có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ chứng cứ để xác định hôn nhân của anh P và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Phía chị H không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của người làm chứng và tiến hành xác minh tình

trạng mâu thuẫn giữa anh P và chị H. Tất cả kết quả đều cho thấy mối quan hệ vợ chồng giữa anh P, chị H đã đến mức độ trầm trọng vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc. Do đó, nghĩ cần chấp nhận cho anh P được ly hôn chị H là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về việc nuôi con chung: Anh Lê Xuân P và chị Nguyễn Thị Việt H có 02 người con chung tên là Lê Xuân K, sinh ngày 08/5/2006 và Lê Xuân B, sinh ngày 30/12/20008. Hiện nay, hai cháu đang ở với anh P. Anh Lê Xuân P có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu K, B đến tuổi thành niên cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, nguyện vọng của anh P và các cháu K, B là không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định nên cần chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Xuân P trình bày anh và chị H chung sống không có tài sản chung, không có nợ của ai nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Xuân P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là anh lê Xuân P.

- Xử cho anh Lê Xuân P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Việt H.

2. Về việc nuôi con chung:

- Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Xuân P về việc nuôi con chung: Giao các cháu Lê Xuân K, sinh ngày 08/5/2006 và cháu Lê Xuân B, sinh ngày 30/12/2008 cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên (Đủ 18 tuổi). Cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu K và cháu B. Chị Nguyễn Thị Việt H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Anh Lê Xuân P và chị Nguyễn Thị Việt H có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Anh Lê Xuân P và chị Nguyễn Thị Việt H có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức đóng góp phí tổn nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Xuân P trình bày anh và chị H chung sống không có tài sản chung, không có nợ của ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Xuân P phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp - theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0004727 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Anh Lê Xuân P đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

NGUYỄN HƯƠNG LAN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên H;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường Thuận Lộc;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu dán án.